

**NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA ĐỊA LÍ KHỐI 11
CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025**

A. NỘI DUNG LÝ THUYẾT

**CHỦ ĐỀ: KHU VỰC ĐÔNG NAM Á
TỰ NHIÊN, DÂN CƯ, XÃ HỘI VÀ KINH TẾ ĐÔNG NAM Á**

1. LÃNH THỔ VÀ VỊ TRÍ ĐỊA LÍ

a) Đặc điểm

◆ Phạm vi lãnh thổ:

- Gồm 11 quốc gia, nằm ở phía đông nam của châu Á.
- Chia thành hai khu vực: lục địa và hải đảo.
- Có một vùng biển rộng lớn.

◆ Vị trí địa lí:

- Nằm trong khu vực nội chí tuyến và khí hậu gió mùa châu Á.
- Tiếp giáp giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương
- Là cầu nối giữa lục địa Á - Âu với lục địa Ôxtrâyliia.
- Có các tuyến đường biển quốc tế quan trọng đi qua.
- Khó khăn: Đông Nam Á cũng là khu vực chịu nhiều thiên tai (bão,...) và là nơi cạnh tranh ảnh hưởng giữa các cường quốc trên thế giới.

2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

a. Địa hình và đất đai

* **Địa hình:** Đông Nam Á có địa hình đa dạng: đồi núi, đồng bằng, bờ biển....

* **Đất:** có hai nhóm đất chính:

- Đất feralit phân bố ở khu vực đồi núi: thuận lợi trồng cây công nghiệp, chăn nuôi, phát triển lâm nghiệp, du lịch...
- Đất phù sa phân bố ở đồng bằng: màu mỡ, có nhiều điều kiện để phát triển nông nghiệp.

b. Khí hậu

Khí hậu phân hoá đa dạng với nhiều đới và kiểu khí hậu khác nhau:

- ĐNA lục địa: Nhiệt đới (gió mùa).
 - ĐNA hải đảo: Xích đạo, cận xích đạo.
- Thuận lợi phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.

c. Sông, hồ

- Có mạng lưới sông phát triển: S. Mê Kông, S. I-ra-oa-đi, S. Ca-pua...
- Các hệ thống sông lớn tập trung ở khu vực Đông Nam Á lục địa.
- Chế độ nước theo mùa.

d. Sinh vật

Diện tích rừng rộng lớn, các khu rừng có sự đa dạng sinh học cao, tiêu biểu rừng mưa nhiệt đới và rừng nhiệt đới ẩm.

e. Khoáng sản

Nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú: thiếc, đồng, sắt, than, dầu mỏ, khí tự nhiên,...

g. Biển

Có vùng biển rộng lớn, đường bờ biển nhiều vũng, vịnh, đầm phá, tài nguyên khoáng sản và sinh vật phong phú,...

→ Phát triển KT biển: Nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, khai thác khoáng sản, GTVT biển, du lịch biển...

3. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

a. Dân cư

- Quy mô dân số: là khu vực đông dân.

=> Thuận lợi: có nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ hàng hoá rộng lớn.

- Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên: có xu hướng giảm nhưng số dân vẫn không ngừng gia tăng.

- Cơ cấu dân số: có cơ cấu dân số trẻ nhưng đang có xu hướng già hoá.

- Mật độ dân số: mật độ dân số cao, khoảng 148 người/km².

- Dân cư phân bố không đồng đều: đông đúc ở đồng bằng châu thổ và vùng ven biển, thưa thớt ở các khu vực đồi núi.

=> Sự phân bố dân cư chưa hợp lý gây ảnh hưởng đến việc sử dụng lao động và khai thác các nguồn tài nguyên.

- Thành phần dân cư: có nhiều dân tộc sinh sống.

=> Sự đa dạng về thành phần dân tộc góp phần tạo nên sự đa dạng về văn hoá, truyền thống.

- Vấn đề đô thị hóa: tỉ lệ dân thành thị không ngừng gia tăng, xuất hiện nhiều siêu đô thị.

b. Xã hội

- Đông Nam Á có lịch sử phát triển lâu đời, là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn trên thế giới.

- Chất lượng cuộc sống của người dân trong khu vực ngày càng được cải thiện:

- Các nước trong khu vực có nhiều nét tương đồng về phong tục, tập quán...

4. KINH TẾ

a. Tình hình phát triển kinh tế chung

*** Quy mô GDP**

- Quy mô GDP có xu hướng gia tăng.

- Có sự chênh lệch lớn về quy mô nền kinh tế giữa các nước.

*** Tăng trưởng kinh tế**

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân thuộc vào loại cao trên thế giới.

*** Cơ cấu kinh tế**

- Cơ cấu GDP có sự chuyển dịch:

+ Tỷ trọng nông nghiệp vẫn còn cao nhưng có xu hướng giảm.

+ Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ có xu hướng tăng.

b. Các ngành kinh tế

*** Công nghiệp**

◆ Tình hình phát triển

- Đông Nam Á có nhiều điều kiện để phát triển ngành công nghiệp.

- Xu hướng phát triển:

+ Chuyển dần từ ngành công nghiệp truyền thống sang các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học - công nghệ cao;

+ Phát triển ngành công nghiệp gắn với khai thác hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

◆ Một số ngành công nghiệp tiêu biểu

- Công nghiệp khai thác:

- + Các nước có sản lượng than hàng đầu khu vực là Ấn Độ, Việt Nam.
- + Thiếc là khoáng sản có sản lượng khai thác lớn.
- + Đông Nam Á có trữ lượng dầu mỏ và khí tự nhiên lớn.

- Công nghiệp điện tử - tin học:

- + Là ngành công nghiệp trẻ, phát triển nhanh.
- + Phân bố ở các thành phố lớn.
- + Các nước dẫn đầu là Xingapo, Malaixia, Thái Lan...

- Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng:

- + Có cơ cấu đa dạng, như dệt - may, da giày, văn phòng phẩm,...
- + Áp dụng công nghệ cao, công nghệ tự động trong quá trình sản xuất.

- Công nghiệp thực phẩm:

- + Là ngành chủ đạo ở nhiều nước.
- + Ứng dụng các thành tựu công nghệ vào quá trình chế biến và bảo quản.

* Nông nghiệp

◆ Tình hình phát triển

- Có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển ngành nông nghiệp.
- Xu hướng phát triển:
 - + Sản xuất hàng hoá với trình độ thâm canh và chuyên môn hoá ngày càng cao.
 - + Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến trong nông nghiệp.
 - + Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

◆ Một số ngành tiêu biểu

• Trồng trọt:

- Cơ cấu cây trồng đa dạng:
 - + Cây công nghiệp nhiệt đới chủ yếu là cao su, cà phê, hồ tiêu, cọ dầu...
 - + Các cây lương thực chủ yếu là lúa gạo, ngô. Một số quốc gia dẫn đầu về xuất khẩu gạo là Thái Lan, Việt Nam,....
- Áp dụng nhiều thành tựu khoa học - công nghệ.

• Ngành chăn nuôi

- Ngành chăn nuôi đang ngày càng phát triển.
- Các vật nuôi phổ biến trong khu vực là trâu, bò, lợn, gia cầm (gà, vịt).

• Ngành đánh bắt và nuôi trồng thủy sản

- Có nhiều thuận lợi để phát triển.
- Khó khăn: sự suy giảm nguồn lợi sinh vật biển, thiếu vốn đầu tư phương tiện và thiết bị đánh bắt xa bờ, thiên tai,...

* Dịch vụ

◆ Tình hình phát triển

- Có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển một số ngành dịch vụ.
- Có cơ cấu đa dạng, không ngừng phát triển, hệ thống cơ sở hạ tầng - vật chất kỹ thuật từng bước được mở rộng, nâng cấp và hiện đại hoá.
- Tỷ trọng GDP của khu vực dịch vụ trong cơ cấu kinh tế có xu hướng tăng.
- Những trung tâm dịch vụ hàng đầu: Xingapo, Cua-la-lăm-pơ....

◆ Một số ngành tiêu biểu

• **Ngành giao thông vận tải**

Giao thông vận tải đường biển và đường hàng không đóng vai trò quan trọng giúp kết nối khu vực với thế giới.

• **Ngành thương mại**

- Ngành thương mại không ngừng phát triển.
- Tổng trị giá xuất, nhập khẩu không ngừng gia tăng.

• **Ngành du lịch**

- Khu vực Đông Nam Á trở thành điểm đến hấp dẫn khách du lịch quốc tế.
- Các quốc gia dẫn đầu về số lượt khách du lịch quốc tế đến tham quan là: Thái Lan, Malaixia, Indônêxia, Việt Nam, Xingapo,...

HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á

1. MỤC TIÊU VÀ CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ASEAN

a. Quá trình hình thành và phát triển

- Thành lập vào ngày 8/8/1967 tại Băng Cốc (Thái Lan).
- Năm 2021, ASEAN gồm 10 thành viên.

b. Mục tiêu hoạt động

- + Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hóa của các nước thành viên.
- + Thúc đẩy hòa bình và ổn định trong khu vực.
- + Thúc đẩy hợp tác, tích cực và hỗ trợ lẫn nhau về nhiều lĩnh vực,
- + Duy trì hợp tác chặt chẽ cùng có lợi giữa ASEAN với các nước hoặc tổ chức quốc tế khác.

c. Cơ chế hoạt động

◆ Cơ chế hoạt động của ASEAN tuân theo các nguyên tắc bảo đảm được mục tiêu và được thể hiện qua hoạt động của các cơ quan ASEAN.

2. MỘT SỐ HỢP TÁC TRONG ASEAN

◆ Hợp tác về kinh tế

◆ Hợp tác về văn hóa

3. THÀNH TỰU VÀ THÁCH THỨC CỦA ASEAN

a. Thành tựu

- **Về kinh tế:** các nền kinh tế trong khu vực đã có sự liên kết, hợp tác đa ngành, đa lĩnh vực.

- **Về xã hội:**

+ Chất lượng cuộc sống của người dân được nâng cao.

+ Vấn đề việc làm từng bước được giải quyết....

- **Về khai thác tài nguyên và môi trường:** giải quyết các vấn đề về ô nhiễm môi trường biển, biến đổi khí hậu,...

- **Về giữ vững chủ quyền và an ninh khu vực.**

b. Thách thức

- **Về kinh tế:**

+ Có sự chênh lệch lớn về trình độ phát triển kinh tế giữa một số nước thành viên.

+ Quy mô nền kinh tế của từng nước trong ASEAN vẫn còn nhỏ.

- **Về đời sống xã hội:**

+ Chênh lệch thu nhập bình quân đầu người giữa các nước.

+ Tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm ở khu vực đô thị.

- **Về khai thác tài nguyên và môi trường:**

- + Việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên còn chưa hợp lý;
- + Tình trạng ô nhiễm môi trường còn xảy ra ở nhiều quốc gia.

4. VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP ASEAN

a. Sự hợp tác giữa Việt Nam và ASEAN

◆ Ngày 28/7/1995, Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN.

- Cơ chế hợp tác: thông qua các diễn đàn, hiệp ước, hiệp định, hội nghị, các dự án, chương trình phát triển...

b. Vai trò của Việt Nam trong ASEAN

- + Việt Nam đã thể hiện vai trò trong việc mở rộng khối.
- + Tổ chức thành công Hội nghị Bộ trưởng Giáo dục ASEAN 2022.
- + Thông các hoạt động văn hoá, thể thao...

CHỦ ĐỀ: KHU VỰC TÂY NAM Á TỰ NHIÊN, DÂN CƯ, XÃ HỘI VÀ KINH TẾ TÂY NAM Á

1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ

◆ Đặc điểm

- Vị trí địa lí:

- + Nằm ở phía tây nam của châu Á.
- + Nằm trên ngã ba tuyến giao thông giữa châu Á, châu Âu và châu Phi.
- + Tiếp giáp với nhiều biển và đại dương.

◆ **Ảnh hưởng:** Tây Nam Á có nhiều thuận lợi để giao thương với các nước, đẩy mạnh hoạt động kinh tế biển; có vị trí chiến lược về mặt chính trị trong khu vực và trên thế giới.

2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

a. Địa hình và đất đai

◆ Tây Nam Á có 3 khu vực địa hình chính:

- Khu vực phía bắc: là các cao nguyên, sơn nguyên và dãy núi.
- Khu vực phía tây và nam: là bán đảo Aráp rộng lớn với nhiều hoang mạc và dải đồng bằng duyên hải nhỏ hẹp.
- Khu vực hạ lưu các sông Ti-gơ và Ô-phrát là đồng bằng Lưỡng Hà với đất phù sa màu mỡ, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp.

b. Khí hậu

- Tây Nam Á có khí hậu cận nhiệt và nhiệt đới lục địa.
- Khí hậu có sự phân hóa theo chiều bắc - nam.

c. Sông, hồ

- Hệ thống sông, hồ của Tây Nam Á ít phát triển.
- => Nguồn nước sông đóng vai trò quan trọng đối với người dân.

d. Sinh vật

- Cảnh quan chủ yếu là hoang mạc và bán hoang mạc.
- Động, thực vật nghèo nàn.

e. Khoáng sản

- Là khu vực giàu có về khoáng sản dầu mỏ và khí tự nhiên.
- Là khu vực cung cấp nguồn dầu mỏ quan trọng cho nhiều nước trên thế giới.
- Các nước có trữ lượng dầu mỏ lớn là A-rập Xê-út, Cô-oét, I-rắc, Các Tiểu vương quốc A-rập Thống Nhất,...

g. Biển

- Tây Nam Á tiếp giáp với nhiều vùng biển, tạo điều kiện cho ngành du lịch biển và đánh bắt hải sản phát triển.

3. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

a. Dân cư

- Quy mô dân số:

+ Tây Nam Á là khu vực ít dân.

+ Quy mô dân số của các quốc gia Tây Nam Á có sự chênh lệch lớn.

- Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên nhìn chung còn khá cao.

- Mật độ dân số: khá thấp, khoảng 61 người/km² (năm 2020).

- Dân cư phân bố không đều.

- Thành phần dân cư: phần lớn là người Ả Rập.

- Vấn đề đô thị hóa:

+ Quá trình đô thị hóa của Tây Nam Á diễn ra nhanh chóng kể từ khi ngành công nghiệp khai thác dầu khí ra đời.

+ Năm 2020, tỷ lệ dân thành thị của khu vực chiếm khoảng 72% số dân.

b. Xã hội

- Chất lượng cuộc sống của người dân được cải thiện

- Có bề dày về lịch sử và nền văn hóa phong phú, độc đáo:

+ Đồng bằng Lưỡng Hà là một trong những cái nôi của nền văn minh cổ đại.

+ Là nơi ra đời của nhiều tôn giáo lớn.

+ Có nhiều công trình cổ giá trị: vườn treo Babilon, thành phố cổ Bacu...

=> Đây là nguồn tài nguyên rất quan trọng để thúc đẩy du lịch ngày càng phát triển.

4. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

a. Quy mô GDP

- Quy mô GDP giữa các nước trong khu vực có sự chênh lệch lớn.

- Các nước có quy mô GDP hàng đầu: Ả-Rập Xê-út, Thổ Nhĩ Kỳ, I-xra-en....

b. Tăng trưởng kinh tế

- Trong giai đoạn 2010 - 2020, tăng trưởng kinh tế của khu vực thiếu ổn định.

- Nguyên nhân chủ yếu là do sự xung đột vũ trang, sự bất ổn về giá dầu mỏ, dịch bệnh, bối cảnh quốc tế...

- Kinh tế của nhiều nước trong khu vực chủ yếu dựa vào khai thác, chế biến, xuất khẩu tài nguyên, đặc biệt là dầu mỏ.

c. Cơ cấu kinh tế

- Chiếm tỉ trọng cao nhất là khu vực dịch vụ, công nghiệp và xây dựng.

- Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản chiếm tỉ trọng thấp.

d. Các ngành kinh tế nổi bật

◆ Công nghiệp:

- Nhiều quốc gia Tây Nam Á đã phát triển các ngành công nghiệp khai thác dầu mỏ, khai thác khí tự nhiên, hóa dầu...

- Phát triển ngành hàm lượng tri thức cao như điện tử - tin học: I-xra-en, Thổ Nhĩ Kỳ.

◆ Nông nghiệp:

- Ngành trồng trọt:

- + Với đặc điểm khí hậu khô hạn, đất đai khô cằn, ít sông hồ nên các cây trồng phổ biến là bông, chà là.
- + Đất phù sa màu mỡ ở khu vực đồng bằng: trồng lúa mì.
- Ngành chăn nuôi: vật nuôi phổ biến là cừu, bò...

◆ Dịch vụ

- Ngành giao thông vận tải:
- + Hoạt động giao thông đường biển nhộn nhịp và phát triển.
- + Giao thông đường ống của khu vực cũng được đầu tư và phát triển nhằm phục vụ vận chuyển dầu mỏ và khí tự nhiên.
- Hoạt động ngoại thương giữ vị trí quan trọng.
- Hiện nay, Đu-bai được xem là trung tâm thương mại, du lịch hàng đầu khu vực và thế giới.

B. KỸ NĂNG

- Vẽ biểu đồ; nhận xét và giải thích.
- Xử lí, nhận xét bảng số liệu.
- Nhận dạng biểu đồ thích hợp.

C. HÌNH THỨC

- Tỷ lệ năng lực nhận thức: 40% Biết – 30% Hiểu – 30% Vận dụng.
- Kiểm tra trên giấy: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn, trắc nghiệm Đúng/Sai: 8,0 điểm (32 câu); Tự luận 2,0 điểm (02 câu).
- Thời gian làm bài: 45 phút.

*** Học sinh chuẩn bị đầy đủ dụng cụ học tập (bút chì, bút bi, máy tính...) khi làm bài kiểm tra; ghi và tô đúng số báo danh, mã đề; ghi thông tin trên phiếu làm bài theo sự hướng dẫn của cán bộ coi kiểm tra.**

HẾT.